

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE



MỤC LỤC

— oOo —

| | Trang |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 04 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 05 - 06 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 07 - 08 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 09 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 10 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 11 - 28 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TOP ONE., JSC

Mã chứng khoán: TOP (UPCOM)

Trụ sở chính: Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.
Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

| | | | |
|-----|-------------------|------------|---|
| Ông | Nguyễn Ngọc Dưỡng | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024) |
| Ông | Nguyễn Văn Bình | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024) |
| Ông | Nguyễn Ngọc Dưỡng | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 04/01/2023, Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2023) |
| Ông | Vũ Đình Phúc | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2023) |
| Ông | Nguyễn Hữu Khả | Chủ tịch | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |
| Ông | Nguyễn Văn Bình | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024) |
| Ông | Trần Anh Tuấn | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023) |
| Ông | Chu Xuân Lai | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023) |
| Ông | Ngô Văn Hanh | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Ông | Nguyễn Ngọc Dưỡng | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024) |

513
CHI
ÔNG
KIẾ
DỊCH
MOC
4 TR

101000A11

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hội đồng Quản trị (Tiếp theo)

| | | | |
|-----|------------------|--------------------|---|
| Ông | Đặng Đức Lợi | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Ông | Đỗ Xuân Long | Thành viên | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |
| Ông | Nguyễn Thế Trịnh | Thành viên | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |
| Ông | Vũ Văn Thuận | Thành viên độc lập | (Bổ nhiệm từ ngày 13/10/2024) |
| Ông | Nguyễn Bình Minh | Thành viên độc lập | (Bổ nhiệm từ ngày 08/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024) |
| Ông | Trần Anh Tuấn | Thành viên độc lập | (Bổ nhiệm từ ngày 16/04/2023, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Ông | Lưu Quang Hưng | Thành viên độc lập | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 16/04/2023) |

Ban Kiểm soát

| | | | |
|-----|----------------------|------------|---|
| Ông | Phạm Bá Trường | Trưởng ban | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Ông | Vũ Khắc Thu | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Bà | Trần Thị Tâm | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 28/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 08/10/2023) |
| Ông | Vũ Văn Hưng | Trưởng ban | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |
| Bà | Nguyễn Thị Nhị Hương | Thành viên | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |
| Ông | Phạm Cao Cường | Thành viên | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |

Ủy ban Kiểm toán

| | | | |
|-----|-------------------|------------|---|
| Ông | Vũ Văn Thuận | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2024) |
| Ông | Nguyễn Ngọc Dưỡng | Thành viên | (Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023) |
| Ông | Nguyễn Bình Minh | Chủ tịch | (Bổ nhiệm từ ngày 16/10/2023, Miễn nhiệm từ ngày 13/10/2024) |

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | | | |
|-----|---------------------|----------------|---|
| Ông | Nguyễn Văn Bình | Tổng Giám đốc | (Bổ nhiệm từ ngày 20/06/2024) |
| Ông | Trần Anh Tuấn | Tổng Giám đốc | (Bổ nhiệm từ ngày 24/05/2023, Miễn nhiệm từ ngày 20/06/2024) |
| Ông | Đặng Đức Lợi | Giám đốc | (Bổ nhiệm từ ngày 06/09/2022, Miễn nhiệm từ ngày 24/05/2023) |
| Ông | Đỗ Thanh Tùng | Giám đốc | (Miễn nhiệm từ ngày 06/09/2022) |
| Bà | Đinh Thị Minh Thuận | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm từ ngày 19/09/2024) |
| Bà | Trương Thị Thanh | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm từ ngày 07/08/2024, Miễn nhiệm từ ngày 19/09/2024) |
| Bà | Tổng Thị Lư | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm từ ngày 01/02/2024, Miễn nhiệm từ ngày 07/08/2024) |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (Tiếp theo)

| | | | |
|-----|-------------------|----------------|---|
| Bà | Trương Thị Thanh | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm từ ngày 28/10/2022, Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2024) |
| Ông | Bùi Quốc Tuấn | Kế toán trưởng | (Bổ nhiệm từ ngày 31/08/2022, Miễn nhiệm từ ngày 28/10/2022) |
| Bà | Đỗ Thị Thanh Xuân | Kế toán trưởng | (Miễn nhiệm từ ngày 28/08/2022) |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

| | | | |
|-----|-------------------|---------------|--|
| Ông | Nguyễn Văn Bình | Tổng Giám đốc | (Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại) |
| Ông | Nguyễn Ngọc Dưỡng | Chủ tịch HĐQT | (Từ ngày 03/07/2024 đến hiện tại) |
| Ông | Nguyễn Văn Bình | Chủ tịch HĐQT | (Từ ngày 24/05/2023 đến ngày 03/07/2024) |
| Ông | Đặng Đức Lợi | Giám đốc | (Từ ngày 06/09/2022 đến ngày 24/05/2023) |
| Ông | Đỗ Thanh Tùng | Giám đốc | (Từ ngày 12/07/2021 đến ngày 06/09/2022) |

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC (“MOORE AISC”) đã được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình soạn thảo các Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2026

TỈNH
H
N
O
I

2
3
4
P
1



Số: B1225229-2025/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Top One được lập ngày tháng 01 năm 2026, từ trang 07 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 Công ty có các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang số tiền 122.879.624.000 đồng, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 số tiền 17.280.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến tính hiện hữu, tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ, cũng như đánh giá giá trị hợp lý liên quan đến các khoản đầu tư này. Thêm vào đó việc đầu tư vào các khoản đầu tư này cũng đang là đối tượng khởi kiện của nhóm cổ đông công ty liên quan đến hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Ban lãnh đạo cũ (chi tiết tại Thuyết minh số 1, mục VIII Thông tin khác), đến thời điểm hiện tại vụ kiện này đã kết thúc quá trình điều tra và đang chuẩn bị đưa ra xét xử. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác tuy nhiên các thủ tục này không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra kết luận đối với các khoản đầu tư nêu trên. Vì vậy chúng tôi không có đầy đủ căn cứ để đưa kết luận về các khoản đầu tư này và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2025.

Tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025, Công ty có khoản cho cổ đông là bà Lê Thị Phương vay tiền với số dư 3.400.000.000 đồng, được trình bày tại chỉ tiêu 215 trên Bảng cân đối kế toán. Điều này không phù hợp theo quy định của Luật Chứng Khoán hiện hành. Chúng tôi cũng không thể thu thập bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc chuyển tiền cho khoản cho vay nêu trên do vậy chúng tôi không thể khẳng định tính hiện hữu đối với khoản cho vay này tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Do được bổ nhiệm sau thời điểm kết thúc năm tài chính, chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 01/01/2025 với số dư là 139.011.508 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế, vì vậy chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại thời điểm 01/01/2025 nêu trên.



Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp theo)

Chúng tôi chưa được cung cấp các hồ sơ liên quan đến các khoản mục: Phải thu khách hàng ngắn hạn (Mã số 131), Trả trước cho người bán ngắn hạn (Mã số 132), Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136), Hàng tồn kho (Mã số 141), Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 152), Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Mã số 153), Tài cố định vô hình (Mã số 227), Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số 311), Phải trả người lao động (Mã số 314), Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313) trên Bảng cân đối kế toán; khoản mục Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01), Giá vốn hàng bán (Mã số 11), Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 26), Thu nhập khác (Mã số 31), Chi phí khác (Mã số 32) trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm đánh giá các khoản mục này và ảnh hưởng nếu có đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2024-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 5298-2026-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 492.522.951 | 522.458.590 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 179.428.312 | 219.582.499 |
| 1. Tiền | 111 | | 179.428.312 | 219.582.499 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 102.480.000 | 204.706 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 102.480.000 | 240.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | (35.294) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 174.314.877 | 273.008.374 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 14.217.000 | - |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 98.900.001 | 29.000.001 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.06 | 61.197.876 | 244.008.373 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.07 | 2.185.186 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.185.186 | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 34.114.576 | 29.663.011 |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 16.254.736 | 11.803.171 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 17.859.840 | 17.859.840 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 161.957.577.582 | 162.019.107.222 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.400.000.000 | 3.400.000.000 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.05 | 3.400.000.000 | 3.400.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.117.953.582 | 1.179.483.222 |
| 1. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.08 | 1.117.953.582 | 1.179.483.222 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.661.300.000 | 1.661.300.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (543.346.418) | (481.816.778) |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.02 | 157.439.624.000 | 157.439.624.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 157.439.624.000 | 157.439.624.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 162.450.100.533 | 162.541.565.812 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|-------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 148.540.000 | 41.900.000 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 148.540.000 | 41.900.000 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.09 | 13.540.000 | 18.000.000 |
| 2. Phải trả người lao động | 314 | | 10.000.000 | 23.900.000 |
| 3. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.11 | 125.000.000 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 162.301.560.533 | 162.499.665.812 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.12 | 162.301.560.533 | 162.499.665.812 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 253.500.000.000 | 253.500.000.000 |
| <i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>253.500.000.000</i> | <i>253.500.000.000</i> |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (91.198.439.467) | (91.000.334.188) |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm</i> | <i>421a</i> | | <i>(91.000.334.188)</i> | <i>(91.170.163.441)</i> |
| <i>LNST chưa phân phối năm nay</i> | <i>421b</i> | | <i>(198.105.279)</i> | <i>169.829.253</i> |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 162.450.100.533 | 162.541.565.812 |

1-00
 IÁNH
 ' TNH
 OÁN
 TIN I
 AISL
 3-TP

Đinh Thị Minh Thuận
 Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Đinh Thị Minh Thuận
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Bình
 Tổng Giám đốc


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------|-------------|---------------|-------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 70.849.590 | 21.522.083 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 70.849.590 | 21.522.083 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 68.476.059 | 19.686.521 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 2.373.531 | 1.835.562 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 425.682.873 | 504.383.346 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 548.903 | (9.598.929) |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 1.042.618 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | - | 8.003.933 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 670.612.780 | 435.035.100 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)) | 30 | | (243.105.279) | 72.778.804 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 76.500.000 | 97.500.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 31.500.000 | 449.551 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 45.000.000 | 97.050.449 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 40 + 30) | 50 | | (198.105.279) | 169.829.253 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.8 | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | (198.105.279) | 169.829.253 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | (8) | 7 |


Đinh Thị Minh Thuận
Người lập biểu


Đinh Thị Minh Thuận
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|-------|-------------|---------------|---------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (198.105.279) | 169.829.253 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản : | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.08 | 61.529.640 | 61.529.640 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (35.294) | (10.674.547) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (406.323.288) | (414.383.346) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | 1.042.618 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (542.934.221) | (192.656.382) |
| - Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu | 09 | | 92.565.220 | (140.641.993) |
| - Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 106.640.000 | (1.100.000) |
| - Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước | 12 | | - | 9.300.945 |
| - Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh | 13 | | (102.240.000) | 144.269.841 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (1.042.618) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (448.154.187) | (181.870.207) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 408.000.000 | 414.383.346 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 408.000.000 | 414.383.346 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (40.652.285) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | (40.652.285) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40) | 50 | | (40.154.187) | 191.860.854 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 219.582.499 | 27.721.645 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | V.1 | 179.428.312 | 219.582.499 |

Đinh Thị Minh Thuận
Người lập
Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2026

Đinh Thị Minh Thuận
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Phân phối Top One (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 03 năm 2013 và thay đổi lần thứ 16 ngày 23 tháng 09 năm 2025 do Phòng Doanh nghiệp và Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính Tỉnh Tuyên Quang cấp.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: TOP ONE ALLOT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: TOP ONE., JSC

Mã chứng khoán: TOP (UPCOM)

Trụ sở chính: Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.
Nay là Thôn 19, Xã Vị Xuyên, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh

Bán buôn tổng hợp

Chi tiết: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình****Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.***5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả người lao động, chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sẽ phải chi trong thời gian ngừng sản xuất, kinh doanh; chi phí lãi tiền vay; chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán; chi phí phải trả về tiền lương nghỉ phép... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền | | |
| Tiền mặt | 164.431.357 | 139.011.508 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 14.996.955 | 80.570.991 |
| Cộng | 179.428.312 | 219.582.499 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính
a) Chứng khoán kinh doanh

| Mã chứng khoán | 31/12/2025 | | | | 01/01/2025 | | | |
|--|-------------|----------------|----------|--|------------|----------------|----------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | |
| - Tổng giá trị cổ phiếu | 102.480.000 | 105.780.000 | - | | 240.000 | 204.800 | | (35.294) |
| Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long - Mã CK: VLF | - | - | - | | 240.000 | 204.800 | | (35.294) |
| Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk- Mã CK: DRI | 102.480.000 | 105.780.000 | - | | - | - | | - |
| | 102.480.000 | 105.780.000 | - | | 240.000 | 204.800 | | (35.294) |

* Số cổ phiếu nắm giữ tại DRI ngày 31/12/2025 là: 8.200 CP
* Giá đóng cửa sàn HOSE mã BTP tại ngày 31/12/2025 là: 12.900 đồng

b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

| | 31/12/2025 | | | | 01/01/2025 | | | |
|--|-----------------|--------------------|----------|--|-----------------|--------------------|----------|--|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | | Giá gốc | Giá trị hợp lý (*) | Dự phòng | |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 157.439.624.000 | - | - | | 157.439.624.000 | - | - | |
| Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang | 122.879.624.000 | - | - | | 122.879.624.000 | - | - | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 | 17.280.000.000 | - | - | | 17.280.000.000 | - | - | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 | 17.280.000.000 | - | - | | 17.280.000.000 | - | - | |
| Cộng | 157.439.624.000 | - | - | | 157.439.624.000 | - | - | |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

2.1. Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

| Tên công ty liên doanh, liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|---------------|------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang | Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - tỉnh Hà Giang | 48,00% | 48,00% | Bán buôn tổng hợp (trừ những ngành nghề nhà nước cấm), chế biến thực phẩm. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký |

- (1) Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.
- (2) Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.
- (3) Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.
- (4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dường - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 04/02/2023 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2. Các Công ty liên kết còn lại

| Tên công ty liên kết | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--------------------------------------|--|---------------|------------------------|---|
| Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1 | Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | 48,00% | 48,00% | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký |
| Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2 | Thôn Nặm Quăng, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang | 48,00% | 48,00% | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký |

Các khoản đầu tư tài chính nêu trên được Hội đồng quản trị phê duyệt số 1206/2020/TOP/NQ-HDQT ngày 12/06/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------|-------------------|----------|------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| - Trần Hồng Tài | 14.217.000 | - | - | - |
| Cộng | 14.217.000 | - | - | - |

4. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|--------------------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ngắn hạn | | | | |
| - CHU AH YEE | 26.000.000 | - | 26.000.000 | - |
| - Các khoản trả trước người bán khác | 72.900.001 | - | 3.000.001 | - |
| Cộng | 98.900.001 | - | 29.000.001 | - |

5. Phải thu về cho vay

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Dài hạn | | | | |
| - Bà Lê Thị Phương (*) | 3.400.000.000 | - | 3.400.000.000 | - |
| Cộng | 3.400.000.000 | - | 3.400.000.000 | - |

(*) Phải thu từ cho vay với bà Lê Thị Phương theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV - TOP ngày 15/12/2022, số tiền 3.400.000.000 đồng, cho vay không tài sản đảm bảo, lãi suất 12%/năm, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 19/12/2022 đến ngày 19/12/2027.

6. Phải thu khác

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------|-------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| a. Ngắn hạn | | | | |
| Lãi cho vay | 34.000.000 | - | 35.676.712 | - |
| Ký quỹ ký cược | 26.000.000 | - | 26.000.000 | - |
| Hợp đồng hợp tác đầu tư | - | - | 150.000.000 | - |
| Phải thu khác | 1.197.876 | - | 32.331.661 | - |
| Cộng | 61.197.876 | - | 244.008.373 | - |

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------|------------------|----------|------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng hóa | 2.185.186 | - | - | - |
| Cộng | 2.185.186 | - | - | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất (*) | Cộng |
|-------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm | 1.661.300.000 | 1.661.300.000 |
| Số dư cuối năm | <u>1.661.300.000</u> | <u>1.661.300.000</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | 481.816.778 | 481.816.778 |
| - Khấu hao trong năm | 61.529.640 | 61.529.640 |
| Số dư cuối năm | <u>543.346.418</u> | <u>543.346.418</u> |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày đầu năm | 1.179.483.222 | 1.179.483.222 |
| Tại ngày cuối năm | <u>1.117.953.582</u> | <u>1.117.953.582</u> |

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

(*) 1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00097 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.

+ Diện tích: 2604m²

+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất

+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

(*) 2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01140 do Ủy ban nhân dân huyện Kim Bôi cấp ngày 30/12/2011, chuyển nhượng cho Công ty cổ phần Phân phối Top One theo hồ sơ số: 000933.CN.001 ngày 02/03/2017.

+ Diện tích: 8318 m²

+ Mục đích sử dụng: Đất rừng sản xuất

+ Thời hạn sử dụng đất: Đến năm 2044

+ Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

9. Phải trả người bán

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-----------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngắn hạn | | | | |
| Báo Tuổi Trẻ | - | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại VHC | 13.540.000 | 13.540.000 | - | - |
| Cộng | <u>13.540.000</u> | <u>13.540.000</u> | <u>18.000.000</u> | <u>18.000.000</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 01/01/2025 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2025 |
|----------------------------|-------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------|
| Phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.859.840 | - | - | 17.859.840 |
| Cộng | 17.859.840 | - | - | 17.859.840 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp:

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|--|----------------------|
| | Mức thuế suất |
| - Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ bán hàng hóa | 8% và 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

11. Chi phí phải trả

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-------------------------------|--------------------|------------|
| Ngắn hạn | | |
| Trích trước chi phí kiểm toán | 125.000.000 | - |
| Cộng | 125.000.000 | - |

12. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước | 253.500.000.000 | (91.170.163.441) | 162.329.836.559 |
| Lãi trong năm trước | - | 169.829.253 | 169.829.253 |
| Số dư cuối năm trước | 253.500.000.000 | (91.000.334.188) | 162.499.665.812 |
| Số dư đầu năm nay | 253.500.000.000 | (91.000.334.188) | 162.499.665.812 |
| Lỗ trong năm nay | - | (198.105.279) | (198.105.279) |
| Số dư cuối năm nay | 253.500.000.000 | (91.198.439.467) | 162.301.560.533 |

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Cuối năm | Tỷ lệ | Đầu năm | Tỷ lệ |
|------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
| | VND | % | VND | % |
| Trần Hồng Tái | 63.455.000.000 | 25,03% | 62.368.000.000 | 24,60% |
| Các cổ đông khác | 190.045.000.000 | 74,97% | 191.132.000.000 | 75,40% |
| Cộng | 253.500.000.000 | 100,00% | 253.500.000.000 | 100,00% |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 253.500.000.000 | 253.500.000.000 |
| Vốn góp cuối năm | 253.500.000.000 | 253.500.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 25.350.000 | 25.350.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 25.350.000 | 25.350.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 25.350.000 | 25.350.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 25.350.000 | 25.350.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 25.350.000 | 25.350.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 | 10.000 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 70.849.590 | 21.522.083 |
| Cộng | 70.849.590 | 21.522.083 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|-------------------|-------------------|
| Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ | 68.476.059 | 19.686.521 |
| Cộng | 68.476.059 | 19.686.521 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 406.502.873 | 408.125.187 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | 19.180.000 | 210.159 |
| Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư | - | 90.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 6.048.000 |
| Cộng | 425.682.873 | 504.383.346 |

4. Chi phí tài chính

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|----------------|--------------------|
| Lãi tiền vay | - | 1.042.618 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (35.294) | (10.674.547) |
| Lỗ từ hoạt động bán cổ phiếu | 140.000 | |
| Chi phí tài chính khác | 444.197 | 33.000 |
| Cộng | 548.903 | (9.598.929) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------------|----------|------------------|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 7.152.000 |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 851.933 |
| Cộng | - | 8.003.933 |

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên | 229.800.000 | 147.300.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | - | 9.300.945 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 61.529.640 | 61.529.640 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 253.954.220 | 158.718.179 |
| Chi phí khác bằng tiền | 122.328.920 | 55.186.336 |
| Cộng | 670.612.780 | 435.035.100 |

6. Thu nhập khác

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------|-------------------|-------------------|
| Thu nhập khác | 76.500.000 | 97.500.000 |
| Cộng | 76.500.000 | 97.500.000 |

7. Chi phí khác

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---------------------|-------------------|----------------|
| Lỗ từ thanh lý TSCĐ | - | - |
| Các khoản bị phạt | - | 68.400 |
| Chi phí khác | 31.500.000 | 381.151 |
| Cộng | 31.500.000 | 449.551 |

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|---------------|---------------|
| Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | | |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | (198.105.279) | 169.829.253 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 31.500.000 | 68.400 |
| - Chi phí không được trừ | 31.500.000 | 68.400 |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | (166.605.279) | 169.897.653 |
| Chuyển lỗ năm trước | - | (169.897.653) |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) | - | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|--|---------------|-------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế | (198.105.279) | 169.829.253 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (198.105.279) | 169.829.253 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 25.350.000 | 25.350.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (8) | 7 |

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|----------------------------------|-------------|-------------|
| Chi phí nhân công | 229.800.000 | 147.300.000 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 61.529.640 | 61.529.640 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 253.954.220 | 165.870.179 |
| Chi phí khác bằng tiền | 122.328.920 | 65.339.214 |
| | 670.612.780 | 443.039.033 |

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|--------------------|----------|---------------|----------|
| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 179.428.312 | - | 219.582.499 | |
| Phải thu khách hàng | 14.217.000 | - | - | |
| Phải thu khác | 61.197.876 | - | 244.008.373 | |
| Các khoản cho vay | 3.400.000.000 | - | 3.400.000.000 | |
| Chứng khoán kinh doanh | 102.480.000 | - | 240.000 | (35.294) |
| Cộng | 3.757.323.188 | - | 3.863.830.872 | (35.294) |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ kế toán | |
|--------------------|--------------------|------------|
| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| Phải trả người bán | 13.540.000 | 18.000.000 |
| Cộng | 13.540.000 | 18.000.000 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|------------|----------------------|
| Tại ngày 31/12/2025 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 179.428.312 | - | - | 179.428.312 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 75.414.876 | - | - | 75.414.876 |
| Các khoản cho vay | - | 3.400.000.000 | - | 3.400.000.000 |
| | 254.843.188 | 3.400.000.000 | - | 3.654.843.188 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**Tại ngày 01/01/2025**

| | | | | |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|----------|----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 219.582.499 | - | - | 219.582.499 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 244.008.373 | - | - | 244.008.373 |
| Các khoản cho vay | - | 3.400.000.000 | - | 3.400.000.000 |
| | 463.590.872 | 3.400.000.000 | - | 3.863.590.872 |

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|----------------------------|--------------------|----------------------|------------|--------------------|
| Tại ngày 31/12/2025 | | | | |
| Phải trả người bán | 13.540.000 | - | - | 13.540.000 |
| | 13.540.000 | - | - | 138.540.000 |
| Tại ngày 01/01/2025 | | | | |
| Vay và nợ | - | - | - | - |
| Phải trả người bán | 18.000.000 | - | - | 18.000.000 |
| | 18.000.000 | - | - | 18.000.000 |

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những thông tin tài chính khác****Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư**

Thông qua quá trình huy động vốn từ giai đoạn năm 2015 đến năm 2018 Công ty đã huy động tổng số vốn là 214.500.000.000 đồng.

Năm 2018, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà với tổng giá trị khoản đầu tư là 243.200.000.000 đồng, chiếm 95% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà. Khoản đầu tư được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.

Năm 2019, Công ty thực hiện phương án tái cấu trúc khoản đầu tư được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2019. Theo đó, Công ty thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế biến rau củ quả và Thảo dược Nam Hà, toàn bộ vốn thu được từ giao dịch thoái vốn này dùng để đầu tư mua 95% cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Những thông tin tài chính khác (tiếp theo)
Vụ kiện liên quan đến các khoản đầu tư

Năm 2020, Công ty chuyển nhượng 47% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương đương 1.128.000 cổ phần, giá chuyển nhượng 32.000 đồng/cổ phần. Sau giao dịch chuyển nhượng, Công ty còn nắm giữ 1.152.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, tương ứng 48% vốn điều lệ. Các khoản lãi/lỗ tài chính liên quan đến giao dịch nói trên được phản ánh vào báo cáo tài chính năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân phối Top One (đại diện là Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng - Chủ tịch HĐQT) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến các cơ quan chức năng ngày 28/10/2022 tố giác một số cá nhân thuộc Ban Giám đốc, giai đoạn trước ngày 28/08/2022 về các sai phạm trong hoạt động điều hành quản lý Công ty, trong đó có liên quan đến một số giao dịch nêu trên. Tháng 4 năm 2023, Công ty nhận được Thông báo về việc tiếp nhận đơn tố giác tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Hà Giang ban hành.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã kết thúc điều tra bổ sung và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xảy ra từ năm 2015 đến năm 2022 tại Công ty cổ phần phân phối Top One, địa chỉ: Tổ 1, xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đề nghị truy tố đối với các bị can ra trước pháp luật gồm: bị can Đinh Văn Tạo, bị can Nguyễn Hữu Khả, bị can Nguyễn Thế Trinh, bị can Đỗ Xuân Long và bị can Vũ Thái về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam.

Ngày 03 tháng 09 năm 2025, theo thông báo số 53/TB-VKS-P1 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành bản Cáo trạng số 82/CT-VKSTQ-P1 truy tố bị can Đinh Văn Tạo và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 04/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Cơ sở 2) đã chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (Cơ sở 2) để xét xử theo thẩm quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, vụ án đang trong quá trình giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Ông Nguyễn Ngọc Dưỡng
Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Trần Anh Tuấn
Ông Vũ Văn Thuận
Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Năm 2025 | Năm 2024 |
|------------------------|------------|----------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 55.347.210 | - |
| Ông Trần Hồng Tài | 55.347.210 | - |

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|---------------------|------------|------------|
| Phải thu khách hàng | 14.217.000 | - |
| Ông Trần Hồng Tài | 14.217.000 | - |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Chức vụ | Năm 2025 | Năm 2024 |
|---|---------------|--------------------|--------------------|
| Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị | | | |
| Ông Nguyễn Ngọc Dương | Chủ tịch HĐQT | 69.000.000 | 29.500.000 |
| Ông Nguyễn Văn Bình | Thành viên | 78.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên | 12.000.000 | 19.500.000 |
| Ông Nguyễn Bình Minh | Thành viên | - | 14.500.000 |
| Ông Vũ Văn Thuận | Thành viên | 15.000.000 | 3.000.000 |
| | | 174.000.000 | 102.500.000 |

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sách tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm 2024 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Đinh Thị Minh Thuận

Người lập

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 01 năm 2026


Đinh Thị Minh Thuận

Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Bình**

Tổng Giám đốc